TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **242**/2022/DS-PT
Ngày: 14/9/2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

Các Thẩm phán:

1. Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

2. Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Liêm**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Thúy Thảo,** Kiểm sát viên.

Ngày **14** tháng **9** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp TM, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh N,** sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp Đ, xã ĐHP, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ liên hệ: số X, Khu Y, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy uỷ quyền ngày 15/3/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Ngọc D**, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Ngọc D, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Bị đơn:* Ông **Trần Văn S, sinh năm: 1973.

Địa chỉ ĐKTT: Số 01 Trần Quốc Toản, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 212 Quốc lộ 50, ấp 3B, xã Đạo Thạnh, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện uỷ quyền của bị đơn: Anh **Đặng Văn T,** sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ liên lạc: số A đường NH, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 16/4/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Duy B** và bà **Vũ Thị T,** là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư PH, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: số A đường NH, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội (có mặt).

* *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị L, đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:*

Ngày 07/7/2020 dương lịch nhầm ngày17/5/2020 âm lịch, bà L có cho ông Trần Văn S vay 03 tỷ đồng, hai bên thoả thuận miệng với lãi suất 03%/tháng, thời hạn vay là 07 ngày. Bà L giao tiền trực tiếp cho ông S và ông S có viết biên nhận cho bà L. Khi đến hạn trả tiền, ông S tiếp tục hẹn bà L 10 ngày sau sẽ trả vốn và lãi cho bà L nhưng khi đến hạn, ông S không trả vốn và không đóng lãi cho bà L mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu.

Nay bà L yêu cầu ông Trần Văn S trả cho bà L số tiền vốn là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và yêu cầu trả lãi theo lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 17/5/2020 (âm lịch) cho đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 08/02/2022 là 896.400.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Văn S vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M đã căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L đối với anh Trần Văn S.

Buộc ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L số tiền vốn là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi là 562.500.000 đồng, tổng cộng là 3.562.500.000 đồng (Ba tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng : Ông Trần Văn S phải chịu 3.900.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nộp án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, bị đơn Trần Văn S kháng cáo xin yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Trần Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phân tích cho rằng: tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn S, đại diện theo ủy quyền là anh Đặng Văn T đã đề nghị Hội đồng xét xử đưa bà Bùi Thị M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ giao dịch vay tiền giữa bà Trần Thị L, ông Trần Văn S, bị đơn không thừa nhận việc vay tiền của bà L và cung cấp đoạn video và bản tường trình của bà M, việc ông S ký giấy nhận nợ là do bị ép buộc, đe dọa, nguyên đơn có thừa nhận nhận số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi nhưng không chứng minh được việc có thỏa thuận lãi suất. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp nhận đề nghị của bị đơn về việc đưa bà Bùi Thị M vào tham gia tố tụng và đã tạm ngừng phiên tòa, nhưng sau đó lại ra quyết định không chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ trong một vụ án khác về việc bà Bùi Thị M khởi kiện ông Trần Văn S yêu cầu trả số tiền nợ khoảng 25 tỷ đồng và nhận định bà M không có liên quan trong vụ án này là không khách quan. Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng bị đơn đề nghị Tòa án xem xét đưa bà Bùi Thị M vào tham gia tố tụng vì cho rằng bà M có liên quan trong việc vay tiền của bà L với ông S, việc ông S viết giấy nhận nợ là do bị ép buộc là không phù hợp, ông S là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, là người kinh doanh, nếu bị ép buộc thì ông S phải báo công an giải quyết nhưng ông S không chứng minh được. Theo biên nhận, không thể hiện số tiền lãi, thời hạn trả số tiền vốn nhưng mặt sau giấy nhận nợ thể hiện thời gian trả nên nên bà L yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm do vi phạm nghĩa vụ là phù hợp quy định Bộ luật dân sự. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi và đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi 562.500.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Bị đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì không đưa bà Bùi Thị M vào tham gia là không có căn cứ vì bà Bùi Thị M đã khởi kiện ông Trần Văn S bằng một vụ án khác với số tiền 25 tỷ đồng, đơn khởi kiện của bà Bùi Thị M không thể hiện số tiền 25 tỷ đồng là vay của nhiều người. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Trần Văn S là ông Phạm Duy B và bà Vũ Thị T, là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư PH, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội luật sư thành phố Hà Nội chưa thực hiện đúng quy định của Liên đoàn Luật sư Việt Nam về trang phục khi tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử chưa nhắc nhở 02 luật sư về việc này.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp bản tường trình của bà Bùi Thị M với nội dung xác định bà là người trực tiếp nhận tiền từ bà Trần Thị L, không phải ông S; phía nguyên đơn Trần Thị L không thừa nhận, các đoạn video do phía bị đơn cung cấp cũng không thể hiện được việc giao dịch vay tiền là giữa bà L và bà M về số tiền 3.000.000.000 đồng, không chứng minh được việc ông S ký giấy nhận nợ là do bị ép buộc, đe dọa. Bị đơn kháng cáo nhưng không không cung cấp được chứng cứ gì khác. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Trần Thị L, đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Huỳnh N đồng ý khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nhận vào số tiền

lãi, đây là tự nguyện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Trần Văn S thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Nguyên đơn Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S trả số tiền vốn là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và yêu cầu trả lãi theo lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 17/5/2020 (âm lịch) cho đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 08/02/2022 là 896.400.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị L là Giấy nhận nợ đề ngày 17/5/2020 (âm lịch) có nội dung: "*Hôm nay, ngày 17/5/2020 (âm lịch), tôi tên Trần Văn S. CMND số 311393279 có mượn của chị Trần Thị L số tiền 3 tỷ đồng*". Phía dưới ký tên Sang và ghi họ tên Trần Văn S. Kế tiếp có dòng chữ "*trong tuần này hoàn toàn triỆu tRách nhiệm*"; Phía sau giấy nhận nợ có dòng chữ: "10 Nà, *Thư 6 Chị E RA lấy tiền*" và ký tên S, ghi họ tên Trần Văn S (bút lục 84).

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Văn S vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đặng Văn T, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Văn S trình bày: Giữa ông S và bà L không có xác lập giao dịch vay tiền; trước đó ông S có nhiều lần vay tiền của bà Bùi Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ ấp ST, xã TBT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang, khi vay tiền có viết biên nhận kèm theo. Theo bà M nói lại với ông S, nguồn tiền cho ông S vay là do bà Bùi Thị M huy động của nhiều người, trong đó có bà L. Do năm 2020, ông S gặp khó khăn trong kinh doanh nên ông S chưa thanh toán tiền vay cho bà M. Do đó, ngày 17/5/2020 âm lịch, bà M đi cùng bà L và một số chủ nợ khác đến trụ sở Công ty TNHH Sản xuất chế biến nông sản CT (do ông S làm chủ đầu tư) đập phá tài sản và ép buộc ông S ký biên nhận nợ cho các chủ nợ, trong đó ông S có ký biên nhận nợ ngày 17/5/2020 âm lịch cho bà L. Việc các chủ nợ và bà L đập phá tài sản và ép buộc ông S ký biên nhận nợ thì ông S có báo chính quyền địa phương tại xã ĐT, địa phương có đến Công ty của ông S nhưng không có lập biên bản; đồng thời cũng không mời ông S và các chủ nợ lên giải quyết. Do đó, nay với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông S không đồng ý và đề nghị Toà án đưa bà Bùi Thị M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Trần Văn S trong giấy nhận nợ. Đồng thời, phía bị đơn Trần Văn S đã cung cấp 01 đoạn video và bản tường trình đề ngày 14/6/2022 của ông Trần Văn S.

[2.2] Tại Kết luận giám định số 514/KL-KTHS(Đ2) ngày 25/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang (bút lục 86) xác định:

- Đoạn chữ viết có nội dung ""*Hôm nay, ngày 17/5/2020 (âm lịch), tôi tên Trần Văn S. CMND số 311393279 có mượn của chị Trần Thị L số tiền 3 tỷ đồng*" không phải do cùng một người viết ra.

- Đoạn chữ viết có nội dung "*Trần Văn S, trong tuần này hoàn toàn triỆu tRách nhiệm"* là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Trần Văn S là do cùng một người ký ra.

[2.3] Kết luận giám định số 613/KL-KTHS(Đ2) ngày 13/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang (bút lục 89) xác định:

- Đoạn chữ viết có nội dung: "10 Nà, *Thư 6 Chị E RA lấy tiền- Trần Văn S*" ở mặt sau giấy nhận nợ là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký tên Trần Văn S ở mặt sau tài liệu giám định là do cũng một người viết ra.

- Không xác định được trình tự thời gian hình thành các đoạn chữ viết, chữ ký ở mặt trước và mặt sau giấy nhận nợ.

[2.4] Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các Kết luận giám định và đoạn video do anh Đặng Văn T cung cấp tại phiên tòa xét xử ngày 14/6/2022, lời trình bày của các bên đương sự xác định không đủ cơ sở xác định bà Bùi Thị M có liên quan đến nội dung tranh chấp giữa bà Trần Thị L và ông Trần Văn S; đồng thời, phía bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Bùi Thị M là người trung gian cho vay tiền và có sự chuyển giao nghĩa vụ dân sự từ bà M cho ông S, nên buộc ông Trần Văn S trả cho bà Trần Thị L số tiền vốn 3.000.000.000 đồng và tiền lãi là (3.000.000.000 đồng x 10%/năm x 22.5 tháng) 562.500.000 đồng. Tổng cộng là 3.562.500.000 đồng, là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn Trần Văn S kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm không đưa bà Bùi Thị M vào tham gia tố tụng và không đồng ý trả vốn, lãi theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3.1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Trần Văn S có nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm 01 bản tường trình đề ngày 23/8/2022 của bà Bùi Thị M có nội dung bà M xác nhận: bà là người trực tiếp giao dịch nhận tiền của bà Trần Thị L số tiền 3 tỷ đồng. Trên thực tế ông S không trực tiếp giao dịch vay tiền và nhận tiền của bà Trần Thị L. Bà M và bà L trực tiếp thỏa thuận vay không lãi suất đối số tiền 3 tỷ đồng, để làm tin thì bà L có yêu cầu bà đưa đến gặp ông S để yêu cầu ông S viết giấy nhận nợ ngày 17/5/2020 âm lịch. Ngoài ra, bị đơn Trần Văn S không nộp thêm tài liệu gì khác.

[3.2] Để làm rõ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Văn S, giao dịch vay tiền giữa bà Trần Thị L với ông Trần Văn S và làm rõ những nội dung trong bản tường trình của bà Bùi Thị M, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã triệu tập bà Bùi Thị M đến dự phiên tòa phúc thẩm nhưng nhưng bà M không đến.

[3.3] Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Văn T, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Văn S thừa nhận ngoài bản tường trình đề ngày 23/8/2022 của bà Bùi Thị M thì ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Trong khi đó, bà Nguyễn Thị Huỳnh N, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị L không thừa nhận có giao dịch vay tiền của bà Bùi Thị M, xác định bà L trực tiếp giao nhận tiền vay với ông Trần Văn S.

[3.4] Xét, bị đơn Trần Văn S cho rằng không giao dịch vay tiền của bà Trần Thị L, mà do bà M giao dịch và trực tiếp nhận tiền từ bà Trần Thị L, nhưng chỉ cung cấp được

bản tường trình ngày 23/8/2022 của bà M và không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh cho việc này. Do đó, việc bị đơn đề nghị đưa bà Bùi Thị M vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, là không có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Huỳnh N, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị L thừa nhận đã nhận của ông Trần Văn S số tiền lãi là 10.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi. Xét, đây là tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, bị đơn Trần Văn S phải trả cho nguyên đơn Trần Thị L số tiền lãi là 562.500.000 đồng – 10.000.000 đồng = 552.500.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 3.552.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi.

[5] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Trần Văn S, là không phù hợp.

[6] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trần Thị L, là phù hợp.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ

[8] Về án phí: Ông Trần Văn S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn S.

Ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn Trần Thị L, đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Huỳnh N đồng ý khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng vào tiền lãi.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Buộc ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L số tiền vốn là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi là 552.500.000 đồng. Tổng cộng là 3.552.500.000 đồng (Ba tỷ năm trăm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn S phải chịu 3.900.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết (đã nộp xong).

3. Về án phí: Ông Trần Văn S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trần Văn S phải nộp 103.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022419 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 102.750.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Trần Thị L số tiền 27.450.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004736 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-Tâm-2022

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm